TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAM RÔNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/5/2025
V/v "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Thúy Phượng
- *Các Hội thẩm nhân dân*: - Bà: K'Nga
- Bà: Nguyễn Thị Bé
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Ông Hoàng Rung K'Nhuận – Thư ký Tòa án huyện Đam Rông.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông tham gia phiên tòa*: - bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 5 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 93/2024/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025. Giữa:

* *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Phương T; Sinh năm: 1984
Địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Có mặt tại phiên tòa.

* *Bị đơn:* Ông Phan Văn M; Sinh năm 1977
Địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị Hồng Y, sinh năm: 1980.
Địa chỉ: Thôn E, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày của nguyên đơn bà Trương Thị Phương T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì*:

Bà và ông Phan Văn M sau một thời gian quen biết và tìm hiểu về nhau khoảng một năm thì đến năm 2000 thì bà và ông M quyết định về sống với nhau như vợ chồng, đến năm 2020 bà và ông M mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ vào ngày 20/8/2020 nhưng không tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Hôn nhân giữa bà và ông M là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau

khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại xã L, huyện Đ cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông M hay ăn chơi, cờ bạc dẫn đến nợ nần và thường xuyên đánh đập, lăng mạ, xúc phạm bà nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không khí gia đình luôn nặng nề, ảnh hưởng rất lớn đến con cái, hiện tại vợ chồng đã không còn chung sống từ năm 2021 cho đến nay, năm 2022 bà đã đưa đơn đến Tòa án để yêu cầu giải quyết ly hôn, tuy nhiên trong quá trình giải quyết bà mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ gia đình nên đã rút đơn yêu cầu ly hôn. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết bà được ly hôn với ông Phan Văn M.

Về con chung: Bà và ông M có 03 con chung là cháu Phan Thị Quỳnh V, sinh ngày 25/5/2000; cháu Phan Thị Quỳnh N, sinh ngày 01/01/2006 và cháu Phan Thanh H ngày 31/7/2009. Hiện nay, cháu Phan Thị Quỳnh V và cháu Phan Thị Quỳnh N đã trưởng thành, phát triển tốt nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Khi ly hôn, bà muốn được nuôi cháu Phan Thanh H, yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Hai vợ chồng có nợ Ngân hàng TMCP Q (M2), chi nhánh L1, phòng giao dịch huyện L số tiền 600.000.000 đồng; nợ bà Võ Thị Hồng Y số tiền 100.000.000 đồng và nợ bà Lê Thị Trà M1 (tên thường gọi là L) số tiền 200.000.000 đồng. Hiện nay, ông M đã trả cho Ngân hàng 600.000.000 đồng, bà không có ý kiến gì, đối với số nợ bà Y thì ông M sử dụng số tiền này để tiêu xài cá nhân nên ông M phải có trách nhiệm trả cho bà Y 100.000.000 đồng. Đối với số tiền nợ bà M1 thì vay để sử dụng mua đất, tài sản chung nên hai bên đều phải có trách nhiệm.

Ngoài ra, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Theo bản ghi lời khai của bị đơn ông Phan Văn M trong quá trình giải quyết vụ án thì:* Ông M thừa nhận ông có quan hệ hôn nhân và con chung như nội dung trình bày của bà T là đúng. Theo biên bản ghi lời khai ngày 19/12/2024 ông M xác định quan hệ hôn nhân giữa ông và bà T không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Nhưng theo biên bản ghi lời khai ngày 24/4/2025 thì ông không đồng ý ly hôn tại vì vợ chồng ông còn nợ nhiều chưa trả hết, ông muốn vợ chồng hằn gắn tập trung làm ăn để trả nợ cho xong.

Về con chung: ông bà có ba con chung và hiện nay cháu Phan Thị Quỳnh V và cháu Phan Thị Quỳnh N đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi cháu Phan Thanh H, sinh ngày 31/7/2009 đến khi đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Ông M xác định vợ chồng ông có nợ Ngân hàng TMCP Q (M2), chi nhánh L1, phòng giao dịch huyện L số tiền 600.000.000 đồng và nợ bà

Võ Thị Hồng Y số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên hiện nay nợ Ngân hàng TMCP Q, chi nhánh L1, phòng giao dịch huyện L thì ông đã trả xong nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trách nhiệm của bà T đối với số nợ đã trả này, đối với số nợ bà Võ Thị Hồng Y thì ông nhận trách nhiệm trả cho bà Y. Đối với số nợ 300.000.000 đồng của bà Lê Thị Trà M1 (tên thường gọi là L) thì ông không thừa nhận và không có ý kiến hay trách nhiệm gì đối với khoản nợ này.

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Hồng Y trong quá trình giải quyết vụ án trình bày thì:* vợ chồng bà T, ông M có vay gia đình bà số tiền 100.000.000 đồng nhưng không lập giấy tờ vay mượn tiền do là người nhà với nhau. Quá trình vay gia đình bà có cho vợ chồng ông M, bà T vay 02 lần mỗi lần là 50.000.000 đồng khi vay hai bên không thỏa thuận về thời hạn trả nợ khi nào có thì vợ chồng ông M, bà T tự thu xếp trả nợ cho gia đình bà. Nay vợ chồng ông M, bà T giải quyết ly hôn thì bà yêu cầu vợ chồng ông M, bà T phải có trách nhiệm trả số nợ 100.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Qua xem xét tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai nhận của nguyên đơn tại phiên tòa thì thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông M, quá trình chung sống giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông M không còn khả năng hàn gắn lại được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Về con chung do cháu Phan Thị Quỳnh V, sinh ngày 25/5/2000; cháu Phan Thị Quỳnh N, sinh ngày 01/01/2006 đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường và các bên không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra để xem xét. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Phan Thanh H, sinh ngày 31/7/2009 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu H đồng thời buộc ông M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu H trưởng thành. Về tài sản chung bà T và ông M tự thỏa thuận phân chia nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Về nợ chung, do ông M đã trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q, chi nhánh L1, phòng giao dịch huyện L và Ngân hàng và ông M không có yêu cầu trong vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập đến. Đối với số nợ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Hồng Y số tiền 100.000.000 đồng và nợ bà Lê Thị Trà M1 (Tuấn ly) số tiền 200.000.000 đồng. Quá trình giải quyết xét thấy ông M nhận trách nhiệm trả cho bà Y nên đề nghị HĐXX chấp nhận, đối với số nợ bà M1 quá trình Tòa án giải quyết có triệu tập và thông báo cho bà M1 biết, nhưng bà M1 không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

Về án phí: Bà T và ông M phải chịu án phí của vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu xem xét các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm định tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng***: Bị đơn ông Phan Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Hồng Y vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] ***Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án***:

Xuất phát từ việc nguyên đơn bà Trương Thị Phương T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phan Văn M, yêu cầu được nuôi con chung và phân chia trách nhiệm trả nợ chung nên Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ kiện ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Hiện nay, bị đơn ông Phan Văn M có địa chỉ tại thôn D, xã L, huyện Đ. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] ***Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Trương Thị Phương T***: Bà T và ông M đã tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2020, nên xác định hôn nhân của bà T và ông M là hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân của bà T và ông M không mang lại hạnh phúc như mong muốn, tồn tại nhiều mâu thuẫn, năm 2022 bà T đã nộp đơn để yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng sau đó rút đơn yêu cầu với mong muốn vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm, xây dựng lại hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn M.

Về phía bị đơn ông M vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án và các buổi làm việc ông M xác định quan hệ hôn nhân giữa ông và bà T không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Nhưng theo biên bản ghi lời khai ngày 24/4/2025 thì ông không đồng ý ly hôn tại vì vợ chồng ông còn nợ nhiều chưa trả hết, ông muốn vợ chồng hàn gắn tập trung làm ăn để trả nợ cho xong. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông M vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân của vợ chồng ông M, bà T. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình giải quyết vụ án ông M thừa nhận quan hệ hôn nhân không thể cải thiện được, không có thiện chí để níu kéo quan hệ hôn nhân với bà T để quay về đoàn tụ gia đình, xây dựng hạnh phúc mà vì mục đích khác không thỏa đáng. Đồng thời, căn cứ theo kết quả xác minh quan hệ hôn nhân của ông bà tại địa phương thì thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp.

[4] ***Về con chung***: Quá trình chung sống bà T và ông M có ba người con chung là cháu Phan Thị Quỳnh V, sinh ngày 25/5/2000; cháu Phan Thị Quỳnh N,

sinh ngày 01/01/2006 và cháu Phan Thanh H ngày 31/7/2009. Do cháu V và cháu N đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển tốt, các bên không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét đến. Đối với cháu Phan Thanh H, sinh ngày 31/7/2009 hiện nay đang ở cùng với bà T và theo nguyện vọng của cháu H được ở với mẹ là bà T sau khi ly hôn và bà T cũng có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy, bà T có nhà cửa ổn định, có công việc cho thu nhập, thường xuyên có mặt ở nhà nên có thể chăm sóc tốt cho con chung nên Hội đồng xét xử giao cháu H cho bà T có trách nhiệm trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi trưởng thành là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con bà T yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay bà T và ông M đều làm nông, có nguồn thu nhập, hơn nữa cháu H đang tuổi đến trường cần được chăm sóc cả về vật chất và tinh thần, để đảm bảo cho cháu có điều kiện phát triển tốt nhất nên ông M cũng phải có trách nhiệm cùng bà T nuôi con chung cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành. Đồng thời, mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà T là phù hợp với mức trung bình tại địa phương để trang trải chi phí nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] ***Về tài sản chung***: Bà T và ông M tự thỏa thuận phân chia, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] ***Về nợ chung***: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Hồng Y yêu cầu vợ chồng bà T và ông M trả số nợ 100.000.000 đồng không yêu cầu lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án ông M đồng ý nhận trách nhiệm trả số nợ trên nên Hội đồng xét xử buộc ông M có trách nhiệm trả số nợ cho bà Y 100.000.000 đồng là phù hợp.

Trong vụ án này theo bà T vợ chồng bà còn nợ bà Lê Thị Trà M1 (tên thường gọi là L) với số tiền 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án số 93/2024/TBTL-HNGĐ ngày 10/12/2024, Giấy triệu tập và Thông báo số 25/TB-TA ngày 01/04/2025 cho bà M1, bà M1 đã nhận được tuy nhiên không đến làm việc, không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét đến khoản nợ này trong cùng vụ án.

[7] ***Về án phí***: Buộc bà Trương Thị Phương T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và ông Phan Văn M phải chịu án phí dân sự đối với trách nhiệm trả nợ chung, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật Hôn nhân gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Phương T và ông Phan Văn M được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thanh H sinh ngày 31/7/2009 cho bà T có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi trưởng thành. Ông Phan Văn M phải cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng, thời hạn cấp dưỡng từ tháng 6/2025.

Quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; Thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

3. Về nợ chung: Buộc ông Phan Văn M có trách nhiệm trả nợ cho bà Võ Thị Hồng Y số tiền 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Bà Trương Thị Phương T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006307 ngày 06/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông. Bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm của vụ án. Buộc ông M phải nộp 2.500.000 đồng (Hai triệu năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với trách nhiệm trả nợ chung và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng ông M phải nộp 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) án phí. Hoàn trả cho bà Võ Thị Hồng Y 2.500.000 đồng (Hai triệu năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006387 ngày 26/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/5/2025), bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSNDH. Đam Rông;
- CC THADS H. Đam Rông;
- UBND xã Liêng Srônh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Đỗ Thị Thúy Phượng